

Bản án số: 07/2017/DS-ST

Ngày: 28-9-2017

V/v Tranh chấp liên quan đến tài sản bị
cưỡng chế thi hành án theo quy định
của pháp luật về thi hành án dân sự

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Minh Huế.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Ty.

Bà Nguyễn Thị Lợi.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên - Thư ký Toà án huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Thanh Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện A, Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2016/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2016 về việc: “Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2017/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chi cục Thi hành án Dân sự huyện A, thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trí T, sinh năm 1970; cư trú tại số 38, Thành Đ, phường Q, quận H, thành phố Hải Phòng (theo Văn bản ủy quyền ngày 26 tháng 12 năm 2016); có mặt.

- Bị đơn:

+ Bà Nguyễn Thị Hồng Th (tức Nguyễn Thị Th), sinh năm 1950; cư trú tại số 18, ngách 87/46/9/9 Yên X, xã Tr, huyện T2, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1970 và chị Đào Thị Th1, sinh năm 1976; đều cư trú tại thôn K, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng và đều vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Quang D, sinh năm 1961; bà Đào Thị G, sinh năm 1964; bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1962; đều cư trú tại Thôn K, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; ông D có mặt, bà G và bà H1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, tại bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là Chi cục Thi hành án dân sự huyện A do ông Nguyễn Trí T là người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Chi cục Thi hành án dân sự huyện A tổ chức thi hành Bản án số 437/2012/HSST ngày 21 tháng 9 năm 2012 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và Bản án số 291/2013/HSPT ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội; Quyết định ủy thác thi hành án số 40/QĐ-CTH ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội theo Quyết định thi hành án số 121/QĐ-CCTHA ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, người phải thi hành án bà Nguyễn Thị Hồng Th (tức Nguyễn Thị Th) phải bồi thường cho ông Nguyễn Quang D 233.235.000 đồng, bà Đào Thị G 137.090.625 đồng, bà Nguyễn Thị H1 141.100.000 đồng. Do bà Th không tự nguyện thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự huyện A đã tiến hành xác minh về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án, kết quả đã xác định diện tích đất 625m² và tài sản trên đất thuộc số thửa 32, tờ bản đồ số 7 thôn K, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng thuộc quyền sở hữu và sử dụng của bà Nguyễn Thị Hồng Th (tức Nguyễn Thị Th). Ngày 18 tháng 9 năm 2015, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện A ban hành Quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất số 04/QĐ-CCTHA về việc cưỡng chế kê biên diện tích đất và tài sản gắn với đất thuộc quyền sở hữu và sử dụng của bà Nguyễn Thị Hồng Th (tức Nguyễn Thị Th) tại thôn K, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Sau khi ban hành Quyết định cưỡng chế kê biên tài sản, chị Đào Thị Th1 (là con của bà Th) và chồng anh Nguyễn Văn Đ1 đã có tranh chấp đối với tài sản trên, chị Th1 cho rằng tài sản trên là của vợ chồng chị và anh Đ1 chứ không phải là tài sản của bà Th. Tuy nhiên, chị Th1 và anh Đ1 đã không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh tài sản có tranh chấp thuộc quyền sở hữu và sử dụng của mình.

Ngày 22 tháng 02 năm 2016, Chi cục Thi hành án dân sự huyện A đã ra Thông báo số 157/TB-CCTHA về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án đã cưỡng chế kê biên với nội dung: "...trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo này mà không thỏa thuận, chứng minh, xác định phân chia tài sản, không khởi kiện tại Tòa án hoặc không đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, xác định quyền sở hữu, sử dụng tài sản trên thì Chấp hành viên sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật...". Tuy nhiên, hết thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận thông báo hợp pháp, bà Th, chị Th1, anh Đ1 đều không khởi kiện tại Tòa án cũng không đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết xác định quyền sở hữu, sử dụng tài sản có tranh chấp.

Căn cứ Khoản 1, Điều 74 Luật Thi hành án dân sự, Chi cục Thi hành án dân sự huyện A khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị Hồng Th (tức Nguyễn Thị Th), chị Đào Thị Th1 và anh Nguyễn Văn Đ1, đề nghị Tòa án xác định diện tích đất và tài sản trên đất tại số thửa 32, tờ bản đồ số 7, thôn K, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng thuộc quyền sở hữu và sử dụng của bà Nguyễn Thị Hồng Th (tức Nguyễn Thị Th) để Chi cục Thi hành án có căn cứ tiếp tục kê biên, xử lý tài sản.

Đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng Th (tức Nguyễn Thị Th), chị Đào Thị Th1 và anh Nguyễn Văn Đ1: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Th, chị Th1 và anh Đ1 để bà Th, chị Th1 và anh Đ1 đến Toà án nhân dân huyện A giải quyết việc tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo đơn khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà Th, anh Đ1 và chị Th1 đều vắng mặt không có lý do và không có quan điểm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quang D, bà Đào Thị G và bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Ông Nguyễn Quang D, bà Đào Thị G và bà Nguyễn Thị H1 là người được thi hành án tại Bản án số 437/2012/HSST ngày 21 tháng 9 năm 2012 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội và Bản án số 291/2013/HSPT ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội. Theo quyết định của các bản án này thì số tiền phải thi hành án của bà Nguyễn Thị Hồng Th (tức Nguyễn Thị Th) theo như người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã trình bày là đúng. Sau khi Cơ quan Thi hành án kê biên phát mại tài sản để thi hành án đã xảy ra tranh chấp về quyền sở hữu, sử dụng tài sản của bà Th. Nay Chi cục Thi hành án dân sự huyện A khởi kiện đối với bà Th, chị Th1, anh Đ1 đề nghị Tòa án xác định quyền sở hữu và sử dụng đối với tài sản của bà Th, ông D, bà G và bà H1 có quan điểm đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Chi cục thi hành án dân sự huyện A để bảo vệ quyền lợi của các ông, bà D, G, H1 là những người được thi hành án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quang D đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn đã không đến Tòa án để ghi bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo giấy báo, thông báo của Tòa án; các bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị G và bà Nguyễn Thị H1 đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do đã vi phạm các điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A đối với bà Nguyễn Thị Hồng Th (tức Nguyễn Thị Th), anh Nguyễn Văn Đ1 và chị Đào Thị Th1.

Xác định diện tích đất ở 762m² tại thửa số 32, tờ bản đồ số 7, địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị Hồng Th (tức Nguyễn Thị Th). Các tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Hồng Th (tức Nguyễn Thị Th) gồm: 01 nhà ở mái bằng bê tông cốt thép, tường xây gạch chỉ 220, nền lát gạch men, cửa gỗ sắt kết hợp; 01 nhà bếp xây gạch ba banh, mái lợp tôn proximi măng cửa gỗ.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng Th (tức Nguyễn Thị Th), chị Đào Thị Th1 và anh Nguyễn Văn Đ1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng Th (tức Nguyễn Thị Th), chị Đào Thị Th1 và anh Nguyễn Văn Đ1; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị G và bà Nguyễn Thị H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ Điểm b, Khoản 2 Điều 227; Khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Th, chị Th1, anh Đ1, bà G, bà H1.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự nên theo quy định tại Khoản 12, Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Xét quyền khởi kiện của nguyên đơn:

Theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự để thực hiện việc khởi kiện tại Tòa án xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản bị cưỡng chế thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự huyện A phải thực hiện việc thông báo cho người phải thi hành án và các tổ chức, cá nhân có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để họ tự thỏa thuận với nhau hoặc thực hiện quyền khởi kiện của mình. Tại thông báo số 157/TB-THADS ngày 22 tháng 02 năm 2016 Chi cục Thi hành án huyện A đã thực hiện việc thông báo cho các đương sự trong vụ án nhưng hết thời hạn thông báo, không có ai thực hiện việc khởi kiện nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện A có quyền khởi kiện vụ án tại Tòa án theo Khoản 1, Điều 74 của Luật Thi hành án dân sự.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ lời khai nguyên đơn, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập xác định: Diện tích đất 625m² tại thửa số 32, tờ bản đồ số 7, thôn K, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng từ năm 1994 đến nay đứng tên chủ sử dụng là bà Nguyễn Thị Hồng Th (tức Nguyễn Thị Th), nhà ở và các công trình xây dựng trên diện tích đất này do bà Th xây dựng. Từ năm 1994 đến năm 2013, bà Th và các con sử dụng ổn định, không có tranh chấp, hiện tại chị Đào Thị Th1 và anh Nguyễn Văn Đ1 trực tiếp quản lý, sử dụng đất và các tài sản trên đất. Kể từ thời điểm bà Th đứng tên chủ sử dụng đất đến nay, bà Th chưa làm

thủ tục chuyển nhượng, tặng cho tổ chức, cá nhân nào được chứng thực tại UBND xã L và Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện A.

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 21 tháng 7 năm 2017 cho thấy: Các công trình xây dựng gồm 01 nhà ở mái bằng bê tông cốt thép, tường xây gạch chỉ 220, nền lát gạch men, cửa gỗ sắt kết hợp; 01 nhà bếp xây gạch ba banh, mái lợp tôn proximi măng cửa gỗ; tường bao phía đông bắc xây gạch ba banh kết hợp gạch chỉ cao 1,5m x dài 38,1m; tường bao phía đông nam xây gạch ba banh cao 1,5m x dài 32,17m + 18,21m; trụ cổng xây gạch chỉ 60x60, mái bằng bê tông cốt thép, cánh cổng sắt kích thước 2,07 x 2,3m được xây dựng trên diện tích đất ở do bà Nguyễn Thị Hồng Th (tức Nguyễn Thị Th) đứng tên chủ sử dụng đất tại thửa đất 32 tờ bản đồ số 7 thôn K, xã L hiện chị Đào Thị Th1 và anh Nguyễn Văn Đ1 đang quản lý, sử dụng thực tế là 828m² đất. Trong đó, diện tích đất thuộc hành lang đường xóm là đất công do Nhà nước quản lý là 66m² trên đất có các công trình xây dựng gồm: Tường bao phía đông nam xây gạch ba banh (cao 1,5m x dài 32,17m + 18,21m); trụ cổng xây gạch chỉ 60x60, mái bằng bê tông cốt thép, cánh cổng sắt kích thước 2,07 x 2,3m; diện tích đất bà Th được sử dụng hợp pháp là 762m², trên đất có các công trình xây dựng gồm: 01 nhà ở mái bằng bê tông cốt thép, tường xây gạch chỉ 220, nền lát gạch men, cửa gỗ sắt kết hợp và 01 nhà bếp xây gạch ba banh, mái lợp tôn proximi măng cửa gỗ, tường bao phía đông bắc xây gạch ba banh kết hợp gạch chỉ cao 1,5m x dài 38,1m.

Theo tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện: Chị Đào Thị Th1 có quan điểm diện tích đất có tranh chấp trong vụ án có nguồn gốc của bố dựng chị là ông Nguyễn Đức Th2 chứ không phải của bà Nguyễn Thị Hồng Th (tức Nguyễn Thị Th). Bà Nguyễn Thị Hồng Th (tức Nguyễn Thị Th) có quan điểm diện tích đất có tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bà, bà đã cho vợ chồng chị Th1. Tòa án đã tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào xác định nguồn gốc tài sản có tranh chấp là của ông Nguyễn Đức Th2 và không có tài liệu, chứng cứ nào xác định bà Th đã tặng cho diện tích đất có tranh chấp cho vợ chồng chị Th1. Mặt khác, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà Th, chị Th1, anh Đ1 đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng bà Th, chị Th1, anh Đ1 không đến Tòa án để ghi bản tự khai trình bày quan điểm của mình và cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Do vậy, đủ cơ sở xác định 01 nhà ở mái bằng bê tông cốt thép, tường xây gạch chỉ 220, nền lát gạch men, cửa gỗ sắt kết hợp; 01 nhà bếp xây gạch ba banh, mái lợp tôn proximi măng cửa gỗ; tường bao phía đông bắc xây gạch ba banh kết hợp gạch chỉ cao 1,5m x dài 38,1m trên diện tích đất bà Th được sử dụng hợp pháp 762m² tại thửa đất 32 tờ bản đồ số 7 thôn K, xã L thuộc quyền sở hữu và sử dụng của bà Nguyễn Thị Hồng Th (tức Nguyễn Thị Th).

(Vị trí, kích thước thửa đất tại phần quyết định của bản án)

Đối với tài sản gồm tường bao phía đông nam xây gạch ba banh cao 1,5m x dài 32,17m + 18,21m; trụ cổng xây gạch chỉ 60x60, mái bằng bê tông cốt thép, cánh cổng sắt kích thước 2,07 x 2,3m trên diện tích đất 66m² thuộc hành lang

đường xóm là đất công do Nhà nước quản lý không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng Th (tức Nguyễn Thị Th), chị Đào Thị Th1 và anh Nguyễn Văn Đ1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Song do bà Th là người cao tuổi (65 tuổi) nên bà Th được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 12, Điều 26; Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Khoản 1, Điều 74 Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ vào Khoản 3, Điều 188 Luật đất đai;

- Áp dụng Điều 5; Khoản 2, Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH khoá 12 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 12 ban hành ngày 27 tháng 02 năm 2009;

-Căn cứ vào Điều 6; Điểm đ, Khoản 1, Điều 12; Khoản 1, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A đối với bà Nguyễn Thị Hồng Th (tức Nguyễn Thị Th), anh Nguyễn Văn Đ1 và chị Đào Thị Th1.

Xác định diện tích đất ở 762m² tại thửa số 32, tờ bản đồ số 7, địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng có vị trí, kích thước như sau:

- Phía Tây Bắc giáp các hộ ông H2, ông H3 dài 38, 83m

- Phía Đông Nam giáp phần đất thuộc hành lang đường do chị Th1, anh Đ1 đang quản lý dài 52m

- Phía Đông Bắc giáp đường xóm dài 35,5m + 1,41m + 1,21m

Thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị Hồng Th (tức Nguyễn Thị Th). Các tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Hồng Th (tức Nguyễn Thị Th) gồm: 01 nhà ở mái bằng bê tông cốt thép, tường xây gạch chỉ 220, nền lát gạch men, cửa gỗ sắt kết hợp; 01 nhà bếp xây gạch ba banh, mái lợp tôn proximity cửa gỗ; tường bao phía đông bắc xây gạch ba banh kết hợp gạch chỉ cao 1,5m x dài 38,1m.

(Diện tích đất ở thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị Hồng Th (tức Nguyễn Thị Th có sơ đồ kèm theo)

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ1 và chị Đào Thị Th1 mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện A;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Minh Huế

